

CHUYÊN MỤC

SỬ HỌC - KHẢO CỔ HỌC - DÂN TỘC HỌC

CÔ NHỊ VIỆN Ở KHU VỰC ĐÔ THÀNH SÀI GÒN VÀ TỈNH GIA ĐỊNH – CÁC NGUỒN LỰC HOẠT ĐỘNG (GIAI ĐOẠN 1966 - 1975)

NGUYỄN THỊ KIM NƯƠNG*

Qua phân tích sử liệu và tiếp cận lịch sử, bài viết tìm hiểu quá trình hình thành và duy trì hoạt động của các cô nhi viện ở Đô thành Sài Gòn và tỉnh Gia Định giai đoạn 1966-1975; đồng thời cung cấp một số dữ liệu về hoạt động từ thiện nói chung và tổ chức cô nhi viện nói riêng ở một khu vực thuộc Nam Bộ trước 1975.

Từ khóa: cô nhi viện, cơ quan từ thiện, bảo trợ cô nhi, Đệ nhị Cộng hòa

Nhận bài ngày: 17/10/2023; *đưa vào biên tập:* 18/10/2023; *phản biện:* 25/10/2023; *duyet đăng:* 11/11/2023

1. DẪN NHẬP

Lịch sử về miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975, có rất nhiều công trình nghiên cứu, nhiều tác phẩm khai thác về thời kỳ chiến tranh ở nhiều góc độ khác nhau từ hoạt động chính trị, quân sự, các vấn đề về kinh tế, xã hội... cho đến những phận người phía sau cuộc chiến. Chiến tranh, dù muốn hay không thì hậu quả mà nó mang lại là sự mất mát, đau thương. Phụ nữ và trẻ em là những đối tượng dễ bị tổn thương bởi chiến tranh và họ phải chịu đựng những hậu quả lâu dài do cuộc chiến để lại. Về cô nhi viện, trước năm 1975, có một số bài viết và công trình nghiên cứu chuyên ngành xã hội học về cô nhi viện và cô nhi như tác giả Minh Đức “*Bộ Xã*

hội với chương trình Cô nhi viện”, Vũ Ngọc Oánh “*Đường lối của Bộ xã hội trong công cuộc bảo trợ cô nhi*” đăng trên Nguyệt san xã hội (xuất bản năm 1972, 1973); một số luận văn của Trường Đại học Văn khoa, Học viện Quốc gia Hành chính như *Các cơ quan từ thiện ngoại quốc tại Việt Nam* của tác giả Phạm Thành Tấn (1971), *Cô nhi viện với trách nhiệm giáo dục trẻ em* của tác giả Nguyễn Văn Đậu (1968), *Khảo luận về một số cô nhi viện hoạt động tại Đô thành Sài Gòn* của tác giả Đào Thị Kim Dung (1973)... Những bài viết, công trình nghiên cứu kể trên cung cấp một số nội dung cơ bản về hoạt động và trách nhiệm của cô nhi viện trong quá trình nuôi dưỡng cô nhi.

Trong bối cảnh chiến tranh, những thiếu thốn về tình cảm và điều kiện sống càng

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

đẩy tương lai của những đứa trẻ mồ côi vào bức tranh u tối hơn. Chiến tranh đã tàn phá “ngôi nhà” và “tổ ấm”, hàng ngàn trẻ em trở thành trẻ mồ côi. Trước thực trạng xã hội đó, các tổ chức, cá nhân, đoàn thể, tôn giáo đã đứng ra thành lập các cô nhi viện với mục đích chăm sóc và nuôi dưỡng những số phận đáng thương trên tinh thần không vụ lợi. Khi chiến tranh kết thúc, trẻ mồ côi vẫn hiện hữu trong xã hội bởi nhiều nguyên nhân khác nhau. Nhiều Trung tâm Bảo trợ, các Mái ấm tình thương cũng được hình thành để chăm lo cho đối tượng thiếu may mắn này. Do đó, câu chuyện về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em cũng như các điều kiện sống của trẻ vẫn đứng trước nhiều khó khăn và thách thức. Chính vì thế, vấn đề bảo trợ trẻ mồ côi cần tiếp tục nghiên cứu và tiếp cận như là một vấn đề xã hội dưới góc độ nhân đạo.

Về không gian nghiên cứu, khu vực Đô thành Sài Gòn và tỉnh Gia Định⁽¹⁾ là hai địa bàn có các cô nhi viện được thành lập lâu đời và có sự đa dạng về loại hình hoạt động (cô nhi viện, cô nhi tại gia, làng cô nhi). Về thời gian, năm 1966, chính quyền Việt Nam Cộng hòa ban hành Sắc luật 027/SL quy định về thủ tục hoạt động của các tổ chức từ thiện nói chung, từ đó các cô nhi viện hoạt động dưới sự kiểm soát và trợ cấp từ chính quyền. Tuy nhiên, nguồn trợ cấp tài chính từ chính quyền Việt Nam Cộng hòa không đáng kể, bản thân các cô nhi viện, các cá nhân, tổ chức thiện nguyện trong nước và quốc tế đã đóng góp nguồn lực đáng kể cho hoạt động của các cô nhi viện. Do đó, tác giả nghiên cứu về các nguồn lực hoạt động

của các cô nhi viện ở khu vực Sài Gòn và tỉnh Gia Định giai đoạn 1966-1975 nhằm tìm hiểu vai trò, đóng góp và hiệu quả của các bên trong quá trình thực hiện các giải pháp hỗ trợ đối với cô nhi.

2. CÔ NHỊ VIỆN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG TỰ TẠO NGUỒN LỰC

2.1. Cô nhi viện với vai trò cơ quan từ thiện

Theo Sắc luật số 027/66 ngày 15/7/1966 và Nghị định số 620 ngày 10/10/1966 của chính quyền Việt Nam Cộng hòa, *cơ quan từ thiện* là: Tất cả những tổ chức hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam do cá nhân, hiệp hội hoặc tôn giáo thiết lập, với mục đích bác ái, bất vụ lợi, có khả năng tiếp nhận ít nhất là 10 người bất luận là trẻ em hay người lớn, để dưỡng dục và bảo trợ, đều được coi là cơ quan từ thiện (Công báo Việt Nam Cộng hòa, 1966). Về nguồn gốc thành lập, các cơ quan từ thiện được phân thành ba nhóm (Phạm Thành Tấn, 1971: 7-8):

- Cơ quan từ thiện của chính quyền hay còn gọi là cơ quan từ thiện công: cơ quan từ thiện do chính quyền thành lập và trực tiếp điều hành hoạt động.
- Cơ quan từ thiện của tư nhân hay tổ chức tôn giáo trong nước do cá nhân, hội đoàn, hay tổ chức tôn giáo trong nước đứng ra thành lập và điều hành hoạt động. Các cơ sở này nhận được sự góp sức từ: quyền góp của mạnh thường quân trong nước; trợ giúp từ chính quyền; sự bảo trợ từ các cơ quan từ thiện có yếu tố nước ngoài.
- Các cơ quan từ thiện ngoại quốc: các cơ quan từ thiện do cá nhân, hội đoàn ngoại quốc thành lập, có trụ sở hoặc không có trụ sở tại Việt Nam.

Các cô nhi viện tư nhân ở Đô thành Sài Gòn và tỉnh Gia Định được thành lập và đi vào hoạt động nuôi dưỡng cô nhi, cô nhi viện có ý nghĩa là một cơ sở từ thiện, góp phần giảm thiểu những tổn thương và thiếu thốn của cô nhi trong xã hội.

2.2. Khái quát về sự thành lập, số lượng và quy mô của các cô nhi viện

Theo thống kê của Bộ Xã hội, tính đến năm 1966, cả miền Nam có 86 cô nhi viện⁽²⁾, trong đó có 83 cô nhi viện tư và 3 cô nhi viện công⁽³⁾.

Bảng 1. Danh sách các cô nhi viện ở Sài Gòn năm 1967

Tên cô nhi viện	Năm thành lập	Địa chỉ	Số trẻ
Việt Hoa	1869 ⁽⁴⁾	Đường Học Lạc	124
Thiên Phước	1878	295 Hai Bà Trưng	84
Hội Dục Anh	1931	185 Cống Quỳnh	330
Nguyễn Tri Phương (Chi nhánh Hội Dục Anh)	1966	Cư xá Nguyễn Tri Phương	60
Ký Con (Chi nhánh Hội Dục Anh)	1966	Đường Ký Con	50
An Lạc	1935	Đ. Nguyễn Đình Chiểu	354
Nữ vương Hòa Bình	1935	42 Tú Xương	338
Phụ nữ Thiện chí	1964	111 Nguyễn Du	110
Quách Thị Trang	1965	16 Trần Quốc Toản	440
Chúa Cứu thế	Không rõ	31/3 Trương Minh Giảng	69
Phao-lô	Không rõ	Xóm Chiếu, Khánh Hội	26
Tổng số trẻ			1.985

Nguồn: Nguyễn Văn Đậu, 1968: 200.

Bảng 2. Danh sách các cô nhi viện ở Gia Định năm 1967

Tên cô nhi viện	Năm thành lập	Địa chỉ	Số trẻ
Gò Vấp	1874	Gò Vấp	65
Phú Mỹ	1880	Thị Nghè	103
Thông Thiên Học	1953	Phú Nhuận	55
Xuân Trường	1954	Thủ Đức	36
Don Bosco	1955	Trương Vĩnh Ký, Gò Vấp	515
Sancta Maria	1956	279/5 Lê Quang Định, Thủ Đức	250
Quốc gia	1956	Hoàng Diệu, Thủ Đức	803
Cầu Bình Lợi	1958	ấp Bắc Ái 9, Cầu Bình Lợi	140
Hòa Bình	1958	Xóm Mới, Gò Vấp	80
Diệu Quang	1965	Xã An Lạc	65
Kỳ Quang	1965	Phú Nhuận	69
Elizabeth	1965	Xóm Mới, Gò Vấp	29
Gò Vấp Thủ Đức	1966	Thủ Đức	84
Tổng số trẻ			2.294

Nguồn: Nguyễn Văn Đậu, 1968: 200.

Tính đến ngày 31/12/1972, các cô nhi viện ở Gia Định nuôi dưỡng 4.373 trẻ, chiếm tỷ lệ 24,95% so với tổng số cô nhi trong các cô nhi viện (17.531 trẻ) (Đình Tuyển, 1973: 7). Trong khoảng thời gian từ năm 1967 đến năm 1972, số lượng cô nhi viện ở Gia Định tăng từ 13 lên 20 cô nhi viện, số lượng trẻ trong các cô nhi viện có tăng, có giảm nhưng nhìn chung số lượng tăng, giảm trong từng cô nhi viện là không đáng kể. Trong đó, sự biến động lớn đáng chú ý diễn ra ở Cô nhi viện Gò Vấp: số lượng trẻ được nuôi dưỡng từ 65 trẻ năm 1967 lên đến 1.264 trẻ năm 1972, tăng

hơn 19 lần. Điều này cho thấy hiệu quả điều hành và nuôi dưỡng trẻ của Cô nhi viện Gò Vấp là rất cao so với mặt bằng chung của các cô nhi viện ở Gia Định trong cùng thời kỳ. Từ năm 1967 đến năm 1972, số lượng cô nhi viện ở Gia Định tăng từ 13 lên 20 cô nhi viện, tỷ lệ so với miền Nam tăng từ 14,44% lên 16,66%. Từ năm 1972 đến năm 1975, số lượng cô nhi viện ở Gia Định không thay đổi.

Trong khi đó, Danh sách cô nhi viện ở Sài Gòn năm 1975 (Phòng Tổng thống Đế nghị Cộng hòa, Hồ sơ số 4088, số lượng cô nhi viện ở Đô thành Sài Gòn từ năm 1967 đến 1975 tăng từ 9 lên 10 cô nhi viện. Sài Gòn có thêm 1 cô nhi viện là Trung tâm Dinh dưỡng Caritas,

có 2 cô nhi viện thay đổi tên: Quách Thị Trang đổi thành Trung tâm Cô nhi viện Phật giáo, Cô nhi viện Phao-lô đổi thành Thanh Vinh Sơn Phao Lô.

Về quy mô nuôi dưỡng cô nhi, số liệu thống kê năm 1967 cho thấy, trong các cô nhi viện hoạt động ở Sài Gòn, có 3 cô nhi viện quy mô dưới 100 trẻ; 4 cô nhi viện quy mô lớn trên 300 trẻ. Đặc biệt, 2 cô nhi viện lớn nhất là Hội Dục Anh và Quách Thị Trang nuôi dưỡng trên 400 trẻ. Ở Gia Định có 8/13 cô nhi viện có quy mô nuôi dưỡng dưới 100 trẻ; 2/13 cô nhi viện có quy mô lớn nuôi dưỡng trên 500 trẻ. Trong đó, Cô nhi viện Quốc gia Thủ Đức vượt trội hơn hẳn 12 cô nhi viện còn lại với quy mô nuôi dưỡng trên 800 trẻ.

Bảng 3. Quy mô nuôi dưỡng trẻ trong các cô nhi viện ở Sài Gòn và Gia Định năm 1967

Quy mô	Sài Gòn		Gia Định	
	Số cô nhi viện	Tổng số trẻ	Số cô nhi viện	Tổng số trẻ
Dưới 100	3	179	08	483
Từ 100 đến 300	2	234	03	493
Từ 300 đến 500	4	1.527	0	0
Trên 500	0	0	02	0

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ *Danh sách các cô nhi viện trong toàn quốc năm 1967 của Bộ Xã hội* (dẫn theo Nguyễn Văn Đậu, 1968: 199-200).

Bảng 4. Phân loại các cô nhi viện tư nhân ở Sài Gòn, Gia Định theo thành phần xã hội, tôn giáo của người thành lập, điều hành

Thành phần xã hội, người thành lập, điều hành	Sài Gòn		Gia Định	
	Số cô nhi viện	Tổng số trẻ	Số cô nhi viện	Tổng số trẻ
Công giáo	5	517	5	417
Phật giáo	1	440	2	134
Tin Lành	0	0	1	84
Cao Đài	0	0	1	36
Cá nhân, đoàn thể thiện nguyện	3	904	3	820
Tổng	9		12	

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ *Danh sách các cô nhi viện trong toàn quốc năm 1967 của Bộ Xã hội* (dẫn theo Nguyễn Văn Đậu, 1968: 199-200).

Hơn 50% số lượng cô nhi viện ở Sài Gòn (5/9) do Công giáo thành lập, điều hành và nuôi dưỡng 517 trẻ, chiếm tỷ lệ 26,04% tổng số trẻ. Các cô nhi viện này gồm: Thiên Phước thuộc Dòng Saints Paul De Sartres do Soeur Agnès de St. Goseph làm Giám đốc, nơi đây chỉ nhận nuôi trẻ nữ; Nữ vương Hòa Bình thuộc dòng Nữ tu Bác Ái do Soeur Nicole làm Giám đốc; Cô nhi viện Chúa Cứu thế do Linh mục Oliver làm Giám đốc; Cô nhi viện Phao-lô do ông Hoàng Đức Hạnh làm Giám đốc. Riêng Cô nhi viện Việt Hoa, không có đầy đủ thông tin về tổ chức, đoàn thể thành lập nhưng do các soeur điều hành: năm 1967, Giám đốc là Soeur Robert, năm 1970 là Soeur Nguyễn Thị Tròn (vì vậy chúng tôi xếp cô nhi viện Việt Hoa vào nhóm cô nhi viện do Công giáo thành lập, điều hành). Cô nhi viện do Phật giáo thành lập là Cô nhi viện Quách Thị Trang, nuôi dưỡng 440 trẻ, chiếm tỷ lệ 22,16% tổng số trẻ.

Một số cá nhân và đoàn thể thiện nguyện thành lập 3 cô nhi viện: An Lạc (do bà Vũ Thị Ngải thành lập), Hội Dục Anh và Phụ nữ Thiện chí. Cô nhi viện Hội Dục Anh và Phụ nữ Thiện chí là 2 cô nhi viện do đoàn thể tư nhân thành lập nuôi dưỡng 904 trẻ, chiếm tỷ lệ 48,57% tổng số trẻ tại cô nhi viện tư nhân ở Sài Gòn.

Nếu xét về nguồn gốc xã hội, tôn giáo của các cô nhi viện hoạt động tại Gia Định năm 1967, số lượng cô nhi viện do tôn giáo thành lập, điều hành chiếm tỷ lệ 69,23%, nuôi dưỡng 671 trẻ, chiếm tỷ lệ 29,25% tổng số trẻ ở Gia Định. Số lượng cô nhi viện do cá nhân, đoàn thể thiện nguyện thành lập và điều hành

chiếm tỷ lệ 23,07%, nuôi dưỡng 820 trẻ, chiếm tỷ lệ 35,74% so với tổng số trẻ.

2.3. Hoạt động tự tạo nguồn lực của các cô nhi viện

Phần lớn các cô nhi viện ở Sài Gòn - Gia Định hoạt động trong điều kiện hạn hẹp về mặt tài chính. Cô nhi viện Quốc gia Thủ Đức được chính quyền trợ cấp toàn bộ chi phí, Làng SOS ở Gò Vấp nhận được sự bảo trợ từ Hội Làng Thiếu nhi SOS quốc tế, những cô nhi viện còn lại được bảo trợ bởi các tôn giáo và tổ chức thiện nguyện. Tuy nhiên, số tiền trợ cấp không đủ trang trải cho hoạt động của cô nhi viện. Khoản tiền trợ cấp từ chính quyền rất ít so với nhu cầu thực tế của các cô nhi viện. Như tình trạng thu và chi hàng tháng ở Hội Dục Anh (Sài Gòn), tổng thu của cô nhi viện này là 240.000 đồng (bao gồm nguồn thu từ trợ cấp của Bộ Xã hội và thu từ hoạt động tự túc của viện) trong khi tổng chi là 390.000 đồng (Đào Thị Kim Dung, 1973: 25). Vấn đề tài chính trở thành gánh nặng đối với Ban Quản trị cô nhi viện, do đó, các cô nhi viện phải tổ chức các hoạt động kinh tế mang tính lâu dài để tạo thêm thu nhập ổn định, trang trải chi phí duy trì hoạt động.

Các cô nhi viện ở Đô thành Sài Gòn tìm kiếm các công việc tạo nguồn thu lâu dài, điển hình như cô nhi viện An Lạc, Thiên Phước: chăn nuôi (gà, heo) và nhận hàng đan thêu, may; Hội Dục Anh mở lò bánh mì điện, tiệm uốn tóc; Hội Phụ nữ Thiện Chí mở quán phở, tiệm may, uốn tóc... Một số cơ sở tạo nguồn thu từ việc mở trường tư thục như cô nhi viện Thiên Phước, Nữ Vương Hòa Bình (Đào Thị Kim Dung, 1973: 20, 25, 27).

Tại tỉnh Gia Định, Ban Quản trị cô nhi viện cũng tìm kiếm các khoản thu từ hoạt động của chính nhân viên và cô nhi lớn tuổi để trang trải phần nào chi phí phục vụ nhu cầu thiết yếu của cô nhi viện như thực phẩm, quần áo, thuốc men, sách vở... Cô nhi viện Gò Vấp lập trại nuôi heo, nuôi gà, nhận thêu, dệt, cắt may quần áo trẻ em. Số tiền thu được hàng tháng *“khoảng 300.000 đồng và có thể đủ để mua gạo, thực phẩm cho 300 em”*. Cô nhi viện Sancta Maria chi nhánh Thạnh Lộc có nguồn thu nhập khá lớn từ việc trồng thơm, nuôi cá và nuôi thỏ trên mảnh đất rộng và *“có thể nuôi gần đủ số trẻ mồ côi tại Viện”* (Đinh Tuyền, 1973: 19). Đặc biệt, cô nhi viện Don Bosco đã thực hiện các phương án hiệu quả tạo ra nguồn thu nhập từ việc mở các lớp đào tạo nghề. Trong khi phần lớn các cô nhi viện khi tiếp nhận cô nhi đều không giới hạn về tuổi, tuy nhiên, cô nhi viện này chỉ nhận trẻ từ 12 đến 18 tuổi. Đây là điểm khác biệt và cũng là lợi thế của Cô nhi viện Don Bosco so với các cô nhi viện khác trong việc tổ chức các hoạt động tạo nguồn thu tự túc. Hoạt động chính của cơ sở này là tổ chức các chương trình kỹ thuật và các lớp dạy nghề như nghề máy nỏ, máy điện tử, sửa chữa radio, nghề mộc, nghề may, nghề thêu dệt... Các cô nhi được hành nghề sau khi học và đóng góp tiền công vào chi phí chung của viện. Đồng thời, học phí từ các lớp học này cũng góp phần tăng thêm nguồn thu nhập của cô nhi viện, “trong số 636 em được nuôi dưỡng và theo học tại Trung tâm, Viện đã thu học phí của 150 em đóng thực sự và 352 em đóng tượng trưng với số tiền hàng

tháng là 140.789 đồng” (Đinh Tuyền, 1973: 20).

Nhìn chung, các cô nhi viện ở Sài Gòn chủ yếu khai thác các công việc từ dịch vụ, trong khi đó, các cô nhi viện ở Gia Định khai thác nguồn lợi lớn từ trồng trọt chăn nuôi... trên chính diện tích đất của mình. Nguồn thu tự túc từ đội ngũ nhân viên và cô nhi trong các cô nhi viện ở Gia Định giải quyết được vấn đề tài chính hơn là các cô nhi viện ở Sài Gòn.

3. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CÔ NHỊ VIỆN CỦA CÁC CƠ QUAN TỪ THIÊN NGOẠI QUỐC

Các tổ chức từ thiện ngoại quốc tại miền Nam Việt Nam trước 1975 khá phức tạp, có tổ chức trực tiếp điều hành và quản trị những công tác từ thiện, cũng có tổ chức chỉ bảo trợ hoặc trợ cấp cho những cơ sở xã hội; các tổ chức này có thể có hoặc không có trụ sở tại Việt Nam (Phạm Thành Tấn, 1971: 32-35).

Các cơ quan từ thiện ngoại quốc có đặt trụ sở tại miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ được xếp thành 3 nhóm (38 tổ chức): 1) Nhóm cung cấp thực phẩm và dịch vụ y tế (15 tổ chức); 2) Nhóm cứu trợ Cộng đồng giúp phát triển khả năng sinh sống và mọi lĩnh vực khác (07 tổ chức); 3) Nhóm Bảo trợ Nhi đồng (16 tổ chức)⁽⁵⁾.

Theo tác giả Phạm Thành Tấn, các tổ chức từ thiện ngoại quốc không có trụ sở tại Việt Nam là những tổ chức không trực tiếp quản trị một chương trình hoạt động từ thiện nào ở Việt Nam, mà chỉ tài trợ bằng hiện vật, thuốc men, thực phẩm, quần áo, dụng cụ và đứng

ra huấn luyện nhân viên để đưa đi phục vụ công tác xã hội tại Việt Nam.

Về nguyên tắc hoạt động, theo Sắc luật 027/66, tổ chức từ thiện ngoại quốc phải chấp hành theo những quy định pháp lý về điều kiện thành lập và hoạt động dưới sự quản lý, kiểm soát của chính quyền Việt Nam Cộng hòa, cũng như được chính quyền này trợ cấp hoặc giúp đỡ về phương tiện vận chuyển hay trụ sở. Các cơ quan từ thiện ngoại quốc phối hợp với chính quyền Việt Nam Cộng hòa (đại diện là Bộ Xã hội) thực hiện những chương trình hoạt động cải tiến xã hội thông qua việc ký thỏa ước.

Theo thống kê của Bộ Xã hội (1971), từ năm 1954 đến 1971, có 46 tổ chức từ thiện ngoại quốc ký thỏa ước hoạt động ở miền Nam Việt Nam. Riêng năm 1968 có 13 tổ chức ký thỏa ước với chính quyền Việt Nam Cộng hòa (Phòng Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa, Hồ sơ số 4006). Tổ chức hoạt động đầu tiên tại miền Nam Việt Nam là Hội Care Medico, ký thỏa ước với chính quyền Việt Nam Cộng hòa năm 1954, chủ yếu giúp đỡ các cô nhi viện ở Gò Vấp, đặc biệt Cô nhi viện Don Bosco. Theo tác giả Phạm Thành Tấn và Đào Thị Kim Dung, các hoạt động hỗ trợ của các tổ chức này dành cho cô nhi viện ở Sài Gòn - Gia Định gồm:

- **Hoạt động hỗ trợ thường xuyên, mang tính định kỳ:** Các cô nhi viện ở khu vực Đô Thành Sài Gòn chủ yếu nhận được sự hỗ trợ những vật phẩm như quần, áo, đồ ăn, thuốc men...; hiệu quả của hoạt động này được đánh giá “không có sự đồng đều của các cô nhi viện”, “sự tiếp nhận những vật phẩm tài

trợ này; sự trợ giúp nhiều hay ít tùy thuộc hoàn toàn vào tài năng ngoại giao khéo léo của Ban Giám đốc cô nhi viện” (Đào Thị Kim Dung, 1973: 23). Đối với các cô nhi viện ở Gia Định, vấn đề hỗ trợ thực phẩm cho cô nhi viện từ các tổ chức từ thiện nước ngoài không có tính cách thường xuyên và định kỳ đồng thời “sự trợ giúp này có tính cách bất thường và không được bao nhiêu nên các cơ sở ít trông cậy vào sự cứu trợ đó” (Đình Tuyền, 1973: 29).

- Các chương trình hoạt động bảo trợ cô nhi

Làng cô nhi: là nơi cô nhi được sống theo từng nhóm trong một mái nhà giống như một gia đình, nhiều gia đình như vậy hợp thành làng cô nhi. Làng cô nhi SOS Việt Nam do Tổ chức SOS Kinderdoof thành lập tại Gò Vấp, tỉnh Gia Định. Đây được xem là điểm kiểu mẫu của mô hình này lúc bấy giờ.

Chương trình cô nhi tại gia: cô nhi được thân nhân nuôi dưỡng trong khung cảnh gia đình. Có hai tổ chức xã hội chuyên giúp các gia đình nghèo khó đông con: 1) Hội cha mẹ nuôi quốc tế (Foster Parents Inc) và 2) Tổ chức bảo trợ Nhi đồng Cơ Đốc. Số gia đình được hai tổ chức trên giúp đỡ là 10.000. Bộ Xã hội khuyến khích hai cơ quan này nên khuyến khích hoạt động, càng nhiều gia đình được giúp đỡ thì càng ít trẻ em phải giao vào cô nhi viện (Bộ Xã hội, 1971: 117). Ngoài ra, Bộ kết hợp với Hội Việt Nam Christian Service để thực hiện chương trình “Cô nhi tại gia”, khuyến khích các gia đình có con gửi tại cô nhi viện mang về nuôi dưỡng tại gia.

- **Chương trình đào tạo chuyên môn về dinh dưỡng và công tác xã hội:**

UNICEF và Caritas phối hợp với Bộ Xã hội mở lớp tập huấn phụ tá dưỡng nhi, trợ tá dinh dưỡng để chăm sóc sức khỏe cho các cô nhi đau yếu, góp phần giảm thiểu số trẻ tử vong do thiếu dinh dưỡng. Ngoài ra, UNICEF còn mở các lớp dạy nghề cho cô nhi, phụ nữ.

- **Trợ giúp bất thường:** là các hoạt động từ thiện mang tính chất nhỏ lẻ, thường do một người, một nhóm người quyên góp phẩm vật hay tài vật vào dịp đến thăm cô nhi viện vào ngày chủ nhật hay ngày lễ; hoặc những phái đoàn ngoại giao ký sổ vàng quyên tặng.

4. KẾT LUẬN

Nhìn chung, trước năm 1975, dưới chế độ Việt Nam Cộng hòa, ở vùng Sài Gòn - Gia Định, các cô nhi viện tư nhân có thời gian thành lập và hoạt động lâu đời hơn so với cô nhi viện công hoặc các tổ chức từ thiện hỗ trợ trẻ em nước ngoài. Trong điều kiện thiếu thốn và khó khăn về mọi mặt, đặc biệt là không có nguồn tài chính cố định, các cơ sở này đã nỗ

lực khai thác những nguồn tài nguyên có sẵn để gánh vác trách nhiệm xã hội. Có thể nói, khi mới thành lập, các cô nhi viện có vai trò là một tổ chức từ thiện và trong quá trình hoạt động đã trở thành một nhân tố trong hệ thống bảo trợ xã hội. Đồng thời, các tổ chức từ thiện (tư nhân và ngoại quốc) có vai trò đáng kể trong các hoạt động hỗ trợ cô nhi viện ở Đô thành Sài Gòn và tỉnh Gia Định (1966-1975). Họ đã góp nguồn lực lớn cung cấp các nhu cầu cơ bản, giảm tính tổn thương đối với trẻ mồ côi, góp phần xoa dịu những mất mát trong bối cảnh chiến tranh. Mặc dù sự trợ giúp từ các cơ quan từ thiện ngoại quốc có sự không đồng đều giữa các cô nhi viện, nhưng hoạt động này đã tiếp thêm nguồn lực đáng kể, giúp các cô nhi viện giảm bớt khó khăn và thiếu thốn. Bên cạnh đó, những chương trình bảo trợ cô nhi như làng cô nhi, cô nhi tại gia... đã chú trọng đến yếu tố tình cảm gia đình, hướng đến sự phát triển toàn diện của trẻ. □

CHÚ THÍCH

(1) Về tên gọi tổ chức hành chính: Đô thành Sài Gòn được Ngô Đình Diệm đặt tên vào năm 1956 thay cho tên trước đó là Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn. Năm 1959, Sài Gòn có 8 quận, từ Quận 1 đến Quận 8. Đầu năm 1967, Sài Gòn có thêm Quận 9, được tách ra từ hai phường của Quận 1. Tháng 7/1969, Quận 10 và Quận 11 được thành lập trên cơ sở tách ra từ một phần của Quận 3, Quận 5 và Quận 6. Từ năm 1969 đến 1975, Đô thành Sài Gòn có 11 quận. Về tỉnh Gia Định: năm 1962, tỉnh Gia Định gồm 6 quận: Thủ Đức, Nhà Bè, Gò Vấp, Tân Bình, Hóc Môn, Bình Chánh. Từ năm 1965 đến 1975, tỉnh Gia Định có thêm 2 quận là Quảng Xuyên và Cần Giuộc trên cơ sở tách từ tỉnh Biên Hòa.

Sau ngày 30/4/1975, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tiếp quản Đô thành Sài Gòn và vùng lân cận và đổi tên thành Thành phố Sài Gòn - Gia Định. Ngày 02/7/1976, Nghị quyết Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VI đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.

(2) Tác giả tổng hợp từ *Danh sách các cô nhi viện trong toàn quốc năm 1967 của Bộ Xã hội* (dẫn theo Nguyễn Văn Đậu, 1968: 196-202)

(3) 3 cô nhi viện công lập lúc bấy giờ gồm có cô nhi viện Bảo Anh ở Huế, cô nhi viện Từ Tâm ở Pleiku, tỉnh Đắk Lắk và cô nhi viện Quốc gia thuộc tỉnh Gia Định.

⁽⁴⁾ Theo *Danh sách các cô nhi viện trong toàn quốc năm 1967* của Bộ Xã hội, không xác định được năm thành lập của Cô nhi viện Việt Hoa nhưng có ghi nhận địa chỉ ở đường Học Lạc. Trong khi đó, Hồ Văn Vui, là Linh mục Chánh sở Nhà thờ chính tòa Đức Bà Sài Gòn, có Phúc trình về tình hình cô nhi viện năm 1970 ghi nhận cô nhi viện Việt Hoa thành lập năm 1869, địa chỉ 27 Học Lạc, Chợ Lớn (Phòng Tổng thống Đế nghị Cộng hòa, Hồ sơ số 3566).

⁽⁵⁾ 1) Nhóm cung cấp thực phẩm và dịch vụ y tế (15 tổ chức), gồm có như: Cơ quan Hợp tác Cứu trợ Hoa Kỳ (CARE), Chương trình Thực phẩm phụng sự hòa bình, Ủy ban Công tác của những người bạn Mỹ (AFSC), Cơ quan Tin lành Á châu (ACS), Cơ quan Viện trợ Đức Quốc cho những người tỵ nạn Quốc tế, Ủy ban Cứu trợ Quốc tế (IRC), Hội Hồng thập tự Tân Tây Lan, Ủy ban Oxford Cứu trợ nạn đói (OXFAM), Đoàn quân Cứu thế, Tổ chức xã hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam (VNMS), Cơ quan xã hội Tin lành Việt Nam (VNCS), Hội Cứu tế, Ủy hội Viện trợ Thế giới (WRC), Hội Hoàn cầu Khải tượng, World Alliance of Young Men's Christians Associations; 2) Nhóm cứu trợ Cộng đồng giúp phát triển khả năng sinh sống và mọi lĩnh vực khác (07 tổ chức) như: Tổ chức văn hóa, khoa học và giáo dục Liên Hiệp quốc, Cơ quan Bác ái Hoa Kỳ (C.R.S), Cơ quan Viện trợ Văn hóa Á Châu (A.F), Cơ quan Phát triển cộng đồng (C.D.F), Tổ chức Thanh niên Chí nguyện Quốc tế (IVS), Các Hiệp sĩ Malta Đức Quốc, Project Concern; 3) Nhóm Bảo trợ Nhi đồng (16 tổ chức), gồm: Quỹ Nhi đồng Quốc tế (UNICEF), Hội Bảo trợ Nhi đồng quốc tế (IVCW), Làng Hòa bình Tây Đức cho trẻ em Việt Nam tại Đà Lạt, Hội Cha mẹ nuôi quốc tế, Cơ quan Viện trợ xã hội Quốc tế (AIS), Cơ quan tương trợ hợp tác Quốc tế (ISI), Chương trình cứu trợ thiếu nhi Việt Nam (ACPN), Hội Bảo trợ Nhi đồng Cơ đốc giáo (CCF), Hội Thánh của Đấng Christ (CC), Cơ quan Xã hội Quốc tế (ISS), Hermann Gemeiner Funds, Hội Cứu trợ cô nhi Việt Nam, Liên đoàn bảo trợ thiếu nhi (S.C.Fe), Hội Anh quốc bảo trợ nhi đồng (S.C.Fu), Ủy ban Phụng sự Unitarian Universalist (U.U.s. C), Cơ quan Cứu trợ xã hội.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Xã hội/Việt Nam Cộng hòa. 1971. *Sơ lược về an sinh xã hội*. Nha Kế hoạch Pháp chế và Nghiên huấn ấn hành.
2. Công báo Việt Nam Cộng hòa. 1966. *Sắc luật 027/66 ngày 15 tháng 7 năm 1966 quy định thể thức hoạt động của các cơ quan từ thiện tại Việt Nam*. Thư viện Khoa học Xã hội (TPHCM).
3. Đào Thị Kim Dung. 1973. *Khảo luận về một số cô nhi viện hoạt động tại Đô thành Sài Gòn*. Luận văn Đốc sự Học viện Quốc gia Hành chánh. Thư viện Khoa học Xã hội (TPHCM).
4. Đinh Tuyển. 1973. *Hoạt động của các cơ sở từ thiện tại tỉnh Gia Định*. Học viện Quốc gia Hành chánh. Thư viện Khoa học Xã hội (TPHCM).
5. Nguyễn Văn Đậu. 1968. *Cô nhi viện với trách nhiệm giáo dục trẻ em*. Tiểu luận Cao học Xã hội học, Trường Đại học Văn khoa. Sài Gòn.
6. Phạm Thành Tấn. 1971. *Các cơ quan từ thiện ngoại quốc tại Việt Nam*. Học viện Quốc gia Hành chánh, Thư viện Khoa học Xã hội (TPHCM).
7. Phòng Phủ Tổng thống Đế nghị Cộng hòa. *Danh sách các cơ sở từ thiện trong và ngoài nước được Bộ Xã hội cho phép hoạt động từ năm 1967 đến 1974*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Hồ sơ số 4006.
8. Phòng Tổng thống Đế nghị Cộng hòa. *Phúc trình của Linh mục Hồ Văn Vui về tình hình cô nhi viện ở Việt Nam năm 1970*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Hồ sơ số 3566.
9. Phòng Tổng thống Đế nghị Cộng hòa. *Tài liệu của Phủ Tổng thống, Bộ Xã hội về các vấn đề xã hội năm 1972*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Hồ sơ số 3768.
10. Phòng Tổng thống Đế nghị Cộng hòa. *Tập Nghị định của Phủ Thủ tướng, Bộ Xã hội về việc trợ cấp cho các cơ sở xã hội năm 1975*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Hồ sơ số 4088.